

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2008

Gồm các biểu:

- |                                  |                    |
|----------------------------------|--------------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán          | (Mẫu số B01 - DNN) |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh  | (Mẫu số B02 - DNN) |
| 3. Thuyết minh báo cáo Tài chính | (Mẫu số B09 - DNN) |
| 4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ    | (Mẫu số B03 - DNN) |

Phủ lý, tháng 09 năm 2008

Mẫu số B01- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2008

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2008 VND	01/01/2008 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>51,860,384,382</b>	<b>17,998,403,422</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>786,408,117</b>	<b>2,010,826,126</b>
1. Tiền	111	V.1	786,408,117	2,010,826,126
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		0	0
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>38,875,654,716</b>	<b>9,206,065,800</b>
1. Phải thu khách hàng	131		11,347,031,791	8,560,581,737
2. Trả trước cho người bán	132		27,522,316,590	291,355,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	6,306,335	354,129,063
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9,983,416,787</b>	<b>6,743,245,097</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	9,983,416,787	6,743,245,097
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,214,904,762</b>	<b>38,266,399</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11,904,762	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	38,266,399
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.5	0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,203,000,000	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>116,782,607,677</b>	<b>103,441,725,696</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>97,312,077,765</b>	<b>85,270,267,516</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	82,462,908,537	84,785,875,106
<i>Nguyên giá</i>	222		92,899,767,934	91,574,940,474
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10,436,859,397)	(6,789,065,368)
2. Tài sản cố định thuê Tài chính	224	V.9	0	0
<i>Nguyên giá</i>	225		0	0

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

kết thúc ngày 30/09/2008

Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	44,400,000	0
Nguyên giá	228		48,000,000	0
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,600,000)	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	14,849,169,228	484,392,410
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240	V12	<b>0</b>	<b>0</b>
Nguyên giá	241		0	0
Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		<b>17,270,000,000</b>	<b>17,270,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17,270,000,000	17,270,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13	0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>2,156,129,912</b>	<b>901,458,180</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,156,129,912	901,458,180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>168,642,992,059</b>	<b>121,440,129,118</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2008 VND	01/01/2008 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40,686,516,333</b>	<b>4,030,666,911</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20,686,516,333</b>	<b>4,030,666,911</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	17,544,548,240	1,797,500,000
2. Phải trả người bán	312		1,589,778,123	1,932,751,608
3. Người mua trả tiền trước	313		199,119,604	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1,003,620,847	99,559,803
5. Phải trả người lao động	315		349,449,519	200,855,500
6. Chi phí phải trả	316	V.17	0	0
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	0	0
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20,000,000,000</b>	<b>0</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	20,000,000,000	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>127,956,475,726</b>	<b>117,409,462,207</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>127,915,001,462</b>	<b>117,367,987,943</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	116,900,000,000	116,900,000,000

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

kết thúc ngày 30/09/2008

2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Vốn khác của các chủ sở hữu	413	0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414	0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	0	0
7. Quý đầu tư phát triển	417	0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	0	0
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	0	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	11,015,001,462	467,987,943
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>41,474,264</b>	<b>41,474,264</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	41,474,264	41,474,264
2. Nguồn kinh phí	432 V.23	0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>168,642,992,059</b>	<b>121,440,129,118</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	T.M	30/9/2008	1/1/2008
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		0	0
5. Ngoại tệ các loại		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0

Hà Nam, ngày 30 tháng 09 năm 2008

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lâm Thu Trang

Đặng Thị Thu Phương

Nguyễn Xuân Mai

## Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2008

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ III/ 2008 VND	Lũy kế đến 30/9 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	8,162,543,998	31,361,542,875
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.27	<b>8,162,543,998</b>	<b>31,361,542,875</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.28	3,342,232,815	13,409,565,682
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>4,820,311,183</b>	<b>17,951,977,193</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1,980,292	7,042,517
Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	287,176,363	661,686,312
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		287,176,363	661,686,312
Chi phí bán hàng	24		1,072,219,047	6,245,116,845
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		526,130,019	1,707,382,162
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2,936,766,046</b>	<b>9,344,834,491</b>
Thu nhập khác	31		2,597,142,857	7,325,805,789
Chi phí khác	32		2,200,314,359	4,608,428,972
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>396,828,498</b>	<b>2,717,376,817</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,333,594,544	12,062,211,308
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	416,699,318	1,515,197,789
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,916,895,226	10,547,013,519
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>			<b>250</b>	<b>903</b>

Người lập biểu



Lâm Thu Trang

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thu Phương



Tổng giám đốc

Nguyễn Xuân Mai

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Địa chỉ : Tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Điện thoại : 0351.851.035 Fax : 0351.855.296

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 30/9/2008

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2008

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý III/08
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DThu khác	1		13,108,392,182
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(7,438,841,532)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(1,275,083,012)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(287,176,363)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(418,019,259)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3,689,271,966</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7,654,460,681)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các cc nợ của đơn vị khác	24		0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,980,292
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7,652,480,389)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9,437,348,490
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4,833,873,011)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>4,603,475,479</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ(50= 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>640,267,056</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>146,141,061</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ(70 = 50+60+61)</b>	<b>70 VII.34</b>		<b>786,408,117</b>

Hà Nam, Ngày 30 tháng 09 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lâm Thị Thu Trang

Đặng Thị Thu Phương

Nguyễn Xuân Mai

**Mẫu số B 09 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý III năm 2008**

**I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1- Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30 tháng 8 năm 2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) .

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại 30/9/2008 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là **116.900.000.000** đồng (*Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*).

Cơ cấu vốn điều lệ:

- Phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty với số tiền là 0 đồng, tương đương 0% vốn điều lệ;
- Các cổ đông là các cá nhân góp cổ phần số tiền là 116.900.000.000 đồng, tương đương với 100% vốn điều lệ.

Tổng Công ty tham gia đầu tư liên kết tại Công ty TNHH Khoáng sản Hà Bắc:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;
- Hoạt động kinh doanh chính: Thăm dò, khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản;
- Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam là 50% vốn điều lệ. Vốn thực góp của Tổng Công ty Khoáng sản Hà Nam tính đến thời điểm ngày 30/9/2008 là 17.270.000.000 đồng.

**2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2008, lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, xây dựng các công trình dân dụng, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel, nhãn mác vỏ bao và bao bì đóng gói.

**3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh**

- Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; khai thác, chế biến và chế biến khoáng sản; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; sản xuất các sản phẩm gốm sứ, hàng nội thất công trình;
- Kinh doanh bất động sản, nhà đất;
- Xây dựng dân dụng, thủy lợi, giao thông đường bộ, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện có điện áp từ 35 Kv trở xuống, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất và kinh doanh nhãn mác vỏ bao và bao bì đóng gói; và
- Các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ báo cáo hiện thời được thực hiện bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 và kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND).

**III- CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



**3- Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

**IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán .

**2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

**3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.**

**6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

**7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thị xã Phủ Lý để được quyền thuê đất 50 năm; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính cần phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán.

**10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam.

#### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

#### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là lãi tiền vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo Quyết định số 100/QĐ-UB ngày 16/01/2001 của UBND tỉnh Hà Nam về việc cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho Công ty Cổ phần khoáng sản Hà Nam. Theo đó Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam được miễn 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo tính từ thời điểm có thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%.

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính : đồng)

**1 - Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	689.412.949	867.681.221
Tiền gửi ngân hàng	96.995.168	1.143.144.905
<b>Cộng</b>	<b>786.408.117</b>	<b>2.010.826.126</b>

**2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	0	0
Đầu tư ngắn hạn khác	0	0
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	0	0
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	0	0
Phải thu người lao động	0	0
Tạm hạch toán tiền thuế GTGT phải thu(Xe ô tô Mercedec)		348.772.728
Phải thu khác	6.306.335	5.356.335
<b>Cộng</b>	<b>6.306.335</b>	<b>354.129.063</b>

**4 - Hàng tồn kho**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	0	0
Nguyên liệu, vật liệu	3.929.729.822	2.535.930.309
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.013.782.795	1.169.286.441
Công cụ, dụng cụ	75.242.947	0
Thành phẩm	4.964.661.223	3.038.028.347
Hàng hoá	0	0
Hàng gửi đi bán	0	0
<b>Cộng</b>	<b>9.983.416.787</b>	<b>6.743.245.097</b>

**5-Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	30/9/2008	01/01/2008
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	0	0
Các khoản phải thu nhà nước	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**6- Phải thu dài hạn nội bộ**

	30/9/2008	01/01/2008
Cho vay dài hạn nội bộ	0	0
Phải thu dài hạn nội bộ khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**7- Phải thu dài hạn khác**

	30/9/2008	01/01/2008
	VNĐ	VNĐ
Ký quỹ, ký cược dài hạn	0	0
Các khoản tiền nhận uỷ thác	0	0
Cho vay không có lãi	0	0
Phải thu dài hạn khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**8 – Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vật tài truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	50.221.156.980	29.044.420.620	11.505.513.697	803.849.177	91.574.940.474
Mua trong kỳ	0	4.252.688.290	0	0	4.252.688.290
Đầu tư XD CB hoàn thành	511.998.400	0	0	0	511.998.400
Tăng do góp vốn	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	(2.216.836.791)	0	0	(2.216.836.791)
Điều chỉnh chênh lệch TSCĐ	911.816.611	(1.873.678.367)	(210.696.866)	(50.463.817)	(1.223.022.439)
<b>Số dư tại ngày 30/9/2008</b>	<b>51.644.971.991</b>	<b>29.206.593.752</b>	<b>11.294.816.831</b>	<b>753.385.360</b>	<b>92.899.767.934</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	3.585.345.333	2.074.359.786	978.081.873	151.278.376	6.789.065.368
Khấu hao TSCĐ trong kỳ	1.280.359.102	1.812.038.643	578.938.968	72.654.885	3.743.991.598
Tăng khác	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán		96.197.569	0	0	96.197.569
Giảm khác	0	0	0	0	0
<b>Số hao mòn tại ngày 30/9/2008</b>	<b>4.865.704.435</b>	<b>3.790.200.860</b>	<b>1.557.020.841</b>	<b>223.933.261</b>	<b>10.436.859.397</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
 Tel: 0351.851.035 Fax: 0351.855.296

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 30/09/2008

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2008	46.635.811.647	26.970.060.834	10.527.431.824	652.570.801	84.785.875.106
Tại ngày 30/9/2008	46.779.267.556	25.416.392.892	9.737.795.990	529.452.099	82.462.908.537

- o Giá trị còn lại tại 30/9/2008 của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: 14.435.097.000VND.
- o Tài sản cố định đã hết khấu hao tại ngày 30/9/2008 nhưng vẫn còn sử dụng: 1.271.374.024VND.
- o Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30/9/2008 chờ thanh lý: 0 VND
- o Tại ngày 30/9/2008 Tài sản cố định đã được điều chỉnh khoản chênh lệch giảm : 283.352.846 đồng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Trung tâm thông tin và thẩm định giá Miền Nam đồng thời Tổng công ty chúng tôi đã xử lý khoản chênh lệch trên theo nội dung công văn số 361/08/CV-KSHN ngày 09 tháng 09 năm 2008 đã gửi sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh.

**9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
-----------	------------------------	-------------------	-------------------------	--------------------	--------------	-----------

**Nguyên giá TSCĐ thuê TC**

Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Thuê tài chính trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư tại ngày 30/9/2008</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Khấu hao trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số hao mòn tại 30/9/08</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**G.c.l của TSCĐ thuê TC**

Tại ngày 01/01/2008	0	0	0	0	0	0
Tại ngày 30/09/2008	0	0	0	0	0	0

**10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
-----------	------------------------	-------------------	-------------------------	--------------------	--------------	-----------

**Nguyên giá TSCĐ vô hình**

Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Mua trong kỳ	0	0	0	0	48.000.000	48.000.000
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2008

Giám khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư tại ngày 30/9/2008</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số sư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Khấu hao trong kỳ	0	0	0	0	3.600.000	3.600.000
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
Giám khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số hao mòn tại 30/9/08</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>						
Tại ngày 01/01/2008	0	0	0	0	0	0
Tại ngày 30/09/2008	0	0	0	0	44.400.000	44.400.000

**11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
- Công trình sân Tennis	0	484.392.410
- Công trình Nhà máy gạch Giai đoạn II	14.483.369.228	
- Công trình xây dựng mỏ Titan	18.300.000	0
- Dây truyền sản xuất chỉ	347.500.000	0
<b>Cộng</b>	<b>14.849.169.228</b>	<b>484.392.410</b>

**12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>				
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0
<b>Gtrị còn lại của BĐS đầu tư</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2008

Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
<b>Cơ sở hạ tầng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**13- Đầu tư dài hạn khác:**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	0	0
Đầu tư trái phiếu	0	0
Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	0	0
Cho vay dài hạn	0	0
Đầu tư dài hạn khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**14- Chi phí trả trước dài hạn**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	135.985.210	165.208.572
Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thị xã Phủ Lý để được quyền thuê đất 50 năm.	718.656.927	736.249.608
Chi phí thăm dò Mỏ Nephelin	181.818.182	
Chi phí thuê nhà	180.000.000	
Chuyển những TSCĐ không đủ điều kiện : Máy móc : 847.929.593, TB dụng cụ quản lý: 91.740.000	939.669.593	
<b>Cộng</b>	<b>2.156.129.912</b>	<b>901.458.180</b>

\* Theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Trung tâm thông tin và thẩm định giá Miền Nam, những Tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định họ đã lọc ra và chuyển sang Chi phí trả trước dài hạn. Tại ngày 30/9/2008 Tổng công ty chúng tôi đã hạch toán sang Chi phí trả trước dài hạn những tài sản đó.

**15- Vay và nợ ngắn hạn**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	17.544.548.240	1.797.500.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
<b>Cộng</b>	<b>17.544.548.240</b>	<b>1.797.500.000</b>

**16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	995.568.560	99.559.803
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	300.000	0

Thuế GTGT phải nộp	7.752.287	
<b>Cộng</b>	<b>1.003.620.847</b>	<b>99.509.803</b>

**17- Chi phí phải trả:**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong t. gian nghỉ phép	0	0
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	0	0
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**18- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải trả phải nộp khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**19- Phải trả dài hạn nội bộ:**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn nội bộ	0	0
Phải trả dài hạn nội bộ	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**20- Vay và nợ dài hạn**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	20.000.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>0</b>

**21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
<b>a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>		
TSTTN hoãn lại liên quan khoản C.lệch tạm thời đc KT	0	0
TSTTN hoãn lại liên quan khoản lỗ tính thuế chưa sd	0	0



TSTTN HL liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sd	0	0
Khoản hoàn nhập TSTTN hoãn lại đã đc ghi nhận	0	0
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>		
TTN HL phải trả PS từ khoản c.lệch tạm thời chịu thuế	0	0
Khoản hoàn TTN HL phải trả đc ghi nhận từ năm trước	0	0
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**22- Nguồn vốn chủ sở hữu:**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu Quý I</b>	<b>116.900.000.000</b>	<b>467.987.943</b>	<b>117.367.987.943</b>
Tăng vốn trong Quý I	0	0	0
Lãi trong Quý I	0	6.010.394.027	6.010.394.027
Giảm vốn trong Quý I	0	0	0
<b>Số dư cuối Quý I, đầu Quý II</b>	<b>116.900.000.000</b>	<b>6.478.381.970</b>	<b>123.378.381.970</b>
Tăng vốn trong Quý II	0	0	0
Lãi trong Quý II	0	1.619.724.266	1.619.724.266
<b>Số dư cuối Quý II, đầu Quý III</b>	<b>116.900.000.000</b>	<b>8.098.106.236</b>	<b>124.998.106.236</b>
Tăng vốn quý III	0	0	0
Lãi trong quý III	0	2.916.895.226	2.916.895.226
<b>Số dư cuối Quý III</b>	<b>116.900.000.000</b>	<b>11.015.001.462</b>	<b>127.915.001.462</b>

\* Lợi nhuận của Quý II giảm so với Báo cáo tài chính Quý II Tổng công ty chúng tôi đã gửi Sở giao dịch : 148.949.660 đồng. Lý do là chúng tôi đã điều chỉnh giảm theo Báo cáo kiểm toán tại ngày 30/6/2008.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	116.900.000.000	116.900.000.000
Vốn góp của nhà nước	0	0
<b>Cộng</b>	<b>116.900.000.000</b>	<b>116.900.000.000</b>

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	116.900.000.000	116.900.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	116.900.000.000	116.900.000.000

**đ- Cổ phiếu**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.690.000	11.690.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e- Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/9/2008	01/01/2008
	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	41.474.264	41.474.264
Quỹ đầu tư phát triển	0	0
Quỹ dự phòng tài chính	0	0
<b>Cộng</b>	<b>41.474.264</b>	<b>41.474.264</b>

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi của doanh nghiệp:

Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty; chia cho hoạt động thể thao văn hoá, tham quan, phúc lợi công cộng của tập thể nhân viên trong Công ty. Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội; trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên theo thoả ước lao động tập thể...

Quỹ khen thưởng được sử dụng thưởng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và các cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**23-Nguồn kinh phí:**

	30/9/2008	01/01/2008

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Tel: 0351.851.035 Fax: 0351.855.296

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 30/09/2008

	VNĐ	VNĐ
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	0	0
Chi sự nghiệp	0	0
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	0	0

**24- Tài sản thuê ngoài:**

	30/9/2008	01/01/2008
	VNĐ	VNĐ
1. Giá trị Tài sản thuê ngoài	0	0
- Tài sản khác thuê ngoài	0	0
- Tài sản cố định thuê ngoài	0	0
2. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của HĐ thuê hoạt động TS không huỷ ngang theo các thời hạn	0	0
- Từ 1 năm trở xuống	0	0
- Từ 1 năm đến 5 năm	0	0
- Trên 5 năm	0	0

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Quý này VND	Quý trước VND
<b>25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.162.543.998</b>	<b>10.155.412.833</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	7.663.251.352	9.528.845.762
Doanh thu dịch vụ	499.292.646	626.567.071
<b>26- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.162.543.998</b>	<b>10.155.412.833</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	7.663.251.352	9.528.845.762
Doanh thu dịch vụ	499.292.646	626.567.071
<b>28- Giá vốn hàng bán</b>		
	Quý này VND	Quý trước VND
Giá vốn của hàng bán	3.342.232.815	4.228.143.963
<b>Cộng</b>	<b>3.342.232.815</b>	<b>4.228.143.963</b>
<b>29- Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Quý này VND	Quý trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.980.292	1.831.884
<b>Cộng</b>	<b>1.980.292</b>	<b>1.831.884</b>
<b>30- Chi phí hoạt động tài chính</b>		
	Quý này VND	Quý trước VND
Lãi tiền vay ngân hàng	287.176.363	227.064.717
<b>Cộng</b>	<b>287.176.363</b>	<b>227.064.717</b>
<b>31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
	Quý này VND	Quý trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	416.699.318	252.667.704
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>416.699.318</b>	<b>252.667.704</b>
<b>32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	Quý này(VND)	Quý trước(VND)

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0	0
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại PS từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại PS từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	0	0
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**33- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố:**

	Quý này VND	Quý trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.807.628.291	5.103.231.529
Chi phí nhân công	730.568.031	487.585.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.230.559.723	1.160.970.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.072.219.047	3.159.844.098
Chi phí bằng tiền khác	813.306.382	655.465.241
<b>Cộng</b>	<b>7.654.281.474</b>	<b>10.567.096.705</b>

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/9/2008.

**2- Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2008 trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Cty kiểm toán và dịch vụ tin học AISC ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 của Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam.

**3- Tính hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nam, ngày 30 tháng 09 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lâm Thu Trang

Đặng Thị Thu Phương

Nguyễn Xuân Mai